

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024**

Căn cứ kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục Mầm non giai đoạn 2018-2025 Ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;

Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 21/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Mai Sơn

Công văn số 836/PGD&ĐT ngày 03/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo năm học 2023-2024;

Nghị quyết của Đảng bộ xã về chỉ tiêu kinh tế xã hội giai đoạn 2018-2025 và điều kiện thực tiễn của địa phương, trường mầm non Nà Bó xây dựng Kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023 với những nội dung như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Đánh giá chung tình hình kinh tế - xã hội của xã Nà Bó**

Nà Bó là xã vùng I của huyện Mai Sơn, cách trung tâm huyện 8 km.

Vị trí địa giới hành chính: Phía Bắc giáp xã Tà Hộc, Chiềng Chăn; Phía Nam giáp xã Cò Nòi - Huyện Mai Sơn, xã Chiềng Đông - Huyện Yên Châu; phía Đông giáp xã Tà Hộc - huyện Mai Sơn, xã Mường Khoa - huyện Bắc Yên; phía Tây giáp xã Mường Bon - Thị trấn Hát Lót.

Kinh tế phát triển chủ yếu trồng ngô và chăn nuôi. Một số bản Huổi Cao, Cáp Na, Kéo Bó... kinh tế còn khó khăn một số bản chưa có điện lưới do đó thông tin còn hạn chế tuy nhiên Tình hình an ninh, trật tự xã hội luôn được giữ vững và tương đối ổn định, nhân dân yên tâm lao động sản xuất và tham gia các hoạt động văn hoá xã hội theo quỹ đạo chung của đất nước.

Xã Nà Bó là một địa bàn khá phức tạp về nhiều mặt, toàn xã dài 30 km. Nà Bó có tổng diện tích tự nhiên 6.382,13 ha. Dân số 1670 hộ, 8111 nhân khẩu, xã gồm 13 bản, tiểu khu. Toàn xã có 06 dân tộc anh em (Thái, Tày, Mường, Hmông, Khơ Mú, Sinh Mun) trong đó gồm 13 bản, Tiểu khu, 02 trường học và 1 trạm y tế.

Hệ thống chính trị được củng cố từ xã đến các bản, các trường học và các cơ quan đóng trên địa bàn. Nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, quyết tâm vượt khó đi lên, xây dựng quê hương.

Những năm gần đây sự nghiệp giáo dục của xã Nà Bó đã được quan tâm và phát triển cả về số lượng và chất lượng, công tác xã hội hóa giáo dục và phong trào khuyến học, khuyến tài của xã cũng như các bản, các nhà trường được củng cố, kiện toàn và phần nào khởi sắc, Cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường đã và đang đầu tư theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hóa, hiện đại hóa.

Toàn xã có 02 trường từ giáo dục mầm non đến giáo dục trung học cơ sở (01 trường mầm non, 01 trường phổ thông cơ sở và tiểu học). Trong đó trường mầm non 01 điểm trường chính và 07 điểm trường lẻ với 453 học sinh từ 3-6 tuổi tại các bản tạo điều kiện cho học sinh đi học được thuận lợi.

## **2. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của xã**

### **2.1. Đánh giá thực trạng**

#### **\* Thuận lợi**

Các cấp chính quyền địa phương đều quan tâm, chỉ đạo đối với việc thực hiện quy hoạch mạng lưới, quy mô trường lớp. Các sở, ban, ngành đoàn thể các cấp đã chủ động phối hợp và hỗ trợ tích cực cùng ngành giáo dục thực hiện việc quy hoạch. Đặc biệt sự đồng thuận của cha mẹ học sinh trong việc chuyển học sinh từ điểm trường lẻ về học tại trường chính.

Công tác tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục ngày càng được quan tâm, chú trọng. Do đó, phần lớn phụ huynh học sinh nhận thức rõ và ủng hộ việc đưa học sinh từ điểm trường lẻ về trường chính. Nhiều bản, tiểu khu trong địa bàn xã đã huy động được nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, cha mẹ học sinh để đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường và trang thiết bị học tập cho học sinh.

Tại địa phương, khi đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, đặc biệt là nơi ăn ở và các điều kiện sinh hoạt của học sinh bán trú, sau khi dồn, ghép một số điểm trường lẻ về trường chính, bước đầu đã đạt được kết quả khả quan về chất lượng học tập của học sinh. Khả năng tiếng Việt của học sinh có nhiều tiến bộ, các em mạnh dạn, tự tin hơn trong các hoạt động giao tiếp và học tập; môi trường học tập và sinh hoạt tốt hơn.

#### **\*Khó khăn**

Công tác tuyên truyền việc dồn các điểm trường lẻ về trường chính ở một số bản trong địa bàn xã làm chưa tốt, còn số lượng ít phụ huynh chưa đồng tình và ủng hộ việc đưa học sinh về trường chính để học vì trường chính xa nhà, ngại phải đưa đón hoặc không có người giúp việc trong gia đình.

Nhiều phụ huynh đồng tình cho con về học ở trường chính nhưng lại trông chờ, ỉ lại và giao trách nhiệm hoàn toàn cho nhà trường.

Khi thực hiện quy hoạch dồn điểm trường lẻ về trường chính đã có khảo sát tình hình thực tế về cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường. Tuy nhiên, trên thực tế tại các trường trong xã còn thiếu phòng học, phòng ăn chung với phòng học, nhiều phòng học chưa đảm bảo diện tích tối thiểu, trong khi số lượng học sinh đông.

Thiếu công trình vệ sinh, nhà tắm, nước sạch; thiếu nhà bếp, phòng ăn cho học sinh.

Khó khăn trong việc huy động học sinh, nguyên nhân là do quy hoạch dồn điểm trường lẻ về trường chính cấp tiểu học, trung học dẫn đến học sinh mầm non không có người đưa đón( Tại các điểm lẻ học sinh mầm non do các anh chị lớn hơn đưa đón em đi học)

Khó khăn trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại trường mầm non Nà Bó, nguyên nhân là do nhiều điểm trường lẻ học sinh còn bè, không có người đưa đón khi dồn về điểm trường chính dẫn đến không đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

## **2.2. Quy mô nhóm lớp, tỷ lệ trẻ đi học**

### **\* Quy mô nhóm, lớp**

- Tổng số nhóm lớp 18 tăng 01 lớp mẫu giáo so với năm học trước

+ Tổng số học sinh: 453 giảm 11 trẻ so với năm học trước

*Cụ thể:*

Nhóm trẻ: 53/65 trẻ giảm 12 trẻ = 18,5% so với kế hoạch

Mẫu giáo : 400/378 trẻ tăng 22 trẻ = 9,45 % so với kế hoạch giao

Trong đó:

+ Lớp MG 3T: 2 lớp = 59/50 cháu tăng 9 cháu = 18% so với kế hoạch

+Lớp MG 4T: 2 lớp = 58/60 cháu giảm 2 cháu =3,4% so với kế hoạch(lý do: 02 trẻ đi học nơi khác)

+Mẫu giáo 5 tuổi: 80/77 cháu tăng 3 cháu = 3,9% so với kế hoạch

+Lớp ghép 2 độ tuổi: 86/76 cháu tăng 10 cháu = 13,1% so với kế hoạch

+Lớp ghép 3 độ tuổi: 117/115 cháu tăng 2 cháu = 1,73% so với kế hoạch

### **\* Tỷ lệ trẻ huy động**

453/610 tổng số trẻ địa phương đạt 74,2% tăng 3,1% so với năm học trước

Trong đó:

- Nhà trẻ: Số trẻ ra lớp 53/113 tổng số trẻ địa phương đạt 46,9% tăng 10,9% so với năm học trước

- Mẫu giáo: Số trẻ ra lớp 400/460 tổng số trẻ địa phương đạt 86,9% tăng 1,1% so với năm học trước

+ 3 tuổi: Số trẻ ra lớp 115/152 tổng số trẻ địa phương đạt 75,6 % giảm 6% so với năm học trước

+ 4 tuổi: Số trẻ ra lớp 136/149 tổng số trẻ địa phương đạt 91,2% tăng 6,2% so với năm học trước

+ 5 tuổi: Số trẻ ra lớp 159/159 tổng số trẻ địa phương đạt 100%(có 10 trẻ đi học nơi khác)

**2.3. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; việc đổi mới chương trình giáo dục mầm non; công tác phổ cập GDMN; tình hình thực hiện dạy và**

**học tiếng Anh trong nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; giáo dục STEAM.**

### **2.3.1. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**

#### **\* Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng**

- Công tác chăm sóc vệ sinh

100% trẻ được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

100% trẻ được sử dụng nguồn nước sạch

- Thực hiện chế độ dinh dưỡng

+ 453/453 trẻ đạt 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ.

+ 100% trẻ được theo dõi uống vắc xin đúng thời gian quy định

+ 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng kết quả như sau:

+ 453/453 trẻ được theo dõi sức bằng biểu đồ kết quả:

PTBT cân nặng: 436/453 trẻ (96,2%); SDD cân nặng: 17/453 trẻ(3,8%)

PTBT chiều cao: 433/453 trẻ (95,5%); SDD chiều cao: 20/453 trẻ (4,5%)

+ Nhà trẻ:

PTBT cân nặng: 52/53 trẻ (98,1%); SDD cân nặng: 01/53(1,9%)

PTBT chiều cao: 51/53 trẻ (96,2%); SDD chiều cao: 02/53 trẻ (3,8%)

+ Mẫu giáo: TS 400 trẻ

PTBT cân nặng: 384/400 trẻ (96%); SDD cân nặng: 16/400 trẻ (4%)

PTBT chiều cao: 382/400 trẻ (95,5%); SDD chiều cao: 18/400 trẻ (4,5%)

- Tỷ lệ trẻ chuyên cân: 432/453 = 95,3%

- Bé Sạch: 436/453 = 95,3%

- Bé Ngoan: 4403/453 = 88,9%

- Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày: 100%

- Tỷ lệ trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt: 100%

**\* Chất lượng giáo dục :** ( 452 học sinh, MG 400+ NT 53 học sinh) không tính học sinh khuyết tật

- Lĩnh vực phát triển thể chất	Đạt chuẩn: 429 = 94,9 %;	Chưa đạt: 23 = 5,1%
- Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ:	Đạt chuẩn: 433 = 95,8%	Chưa đạt: 19 = 4,2%
- Lĩnh vực phát triển nhận thức	Đạt chuẩn: 429 = 94,9%	Chưa đạt: 23 = 5,1 %
- Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ:	Đạt chuẩn: 380= 95,2%	Chưa đạt: 189= 4,8 %
- Lĩnh vực phát triển TC-XH:	Đạt chuẩn: 428 = 94,7%	Chưa đạt: 24= 5,3%

Tổng toàn trường	95,1 %	4,9 %
------------------	--------	-------

### 2.3.2. Đổi mới chương trình giáo dục mầm non

- Toàn trường có: 18 lớp, trong đó: Dạy 2 buổi trên ngày: 18/18 lớp; tổng số 453 trẻ, trong đó: Nhà trẻ 02 nhóm 53 học sinh; lớp Mẫu giáo: 16 lớp 400 học sinh.

- Thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban giám hiệu chủ động nghiên cứu những nội dung sửa đổi, bổ sung triển khai kịp thời; chủ động trang bị đầy đủ Chương trình Giáo dục Mầm non đã chỉnh sửa; đã xây dựng kế hoạch Giáo dục Mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ tuổi 3,4,5 tuổi. Chỉ đạo giáo viên chú trọng đổi mới môi trường giáo dục, tích hợp có hiệu quả nội dung giáo dục nhằm tạo cơ hội cho trẻ tích cực hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

- Tăng cường điều kiện thực hiện Chương trình: tham gia tập huấn, tổ chức tập huấn, hỗ trợ đội ngũ CBQL, GVMN tổ chức thực hiện Chương trình; mua sắm cơ sở vật chất, ĐDDC, trang bị tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình sau chỉnh sửa cho CBQL và GVMN.

- Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo quan tâm phát triển chương trình GDMN phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, KHGD các độ tuổi. Hướng dẫn các nhóm, lớp theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời điều chỉnh KHGD phù hợp với sự phát triển của trẻ, tình hình thực tế của nhà trường.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn và các nhóm, lớp tích cực tự bồi dưỡng, tìm tòi, cập nhật, ứng dụng phương pháp mới vào thực hiện chương trình GDMN linh hoạt và sáng tạo, không gò ép, áp đặt trẻ. Tăng cường kiểm tra, giám sát các nhóm lớp thực hiện chương trình GDMN.

- Chỉ đạo các nhóm lớp xây dựng góc sách truyện của lớp, tích cực sưu tầm, làm sách truyện đa dạng về nội dung và linh hoạt thay đổi theo chủ đề.

- Chỉ đạo các lớp 5 tuổi thực hiện tốt Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi theo 5 lĩnh vực, 28 chuẩn, 120 chỉ số theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đảm bảo đúng mục đích hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em năm tuổi vào lớp 1.

- Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2016-2020 định hướng 2025.

- Tham mưu với chính quyền địa phương, tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, phối kết hợp với các bậc phụ huynh ủng hộ nguồn lực vật lực để cải tạo bổ xung cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết phục vụ chuyên đề.

- Nhân rộng lớp điểm gồm: 100% các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch phân công mỗi nhóm, lớp thực hiện 1 nội dung điểm trọng tâm.

- Chỉ đạo các nhóm lớp tiếp tục xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học lý, thuận tiện cho trẻ hoạt động; tổ chức các hoạt động giáo dục chú trọng nội dung cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá; sử dụng có hiệu quả sách vở, tranh lô tô, đồ dùng đồ chơi...

- Tiếp tục quan tâm cải tạo môi trường sân, vườn sắp xếp các góc/khu vực hoạt động ngoài trời, trong lớp phù hợp, an toàn, sạch đẹp, thuận tiện phù hợp với tổng quan của khu trường mới xây dựng.

- Chỉ đạo các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có sân chơi đất cần tạo cho trẻ không gian thật thoải mái ở trong lớp để trẻ được trải nghiệm, vui chơi và lĩnh hội kiến thức nhẹ nhàng, tạo cho trẻ góc thiên nhiên, vườn rau nhân tạo để trẻ được trải nghiệm chăm sóc.

- Tổ chức cuộc thi “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, thi đua giữa các lớp nhằm nâng cao chất lượng của chuyên đề.

- Tiếp tục thực hiện tốt chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục PTVĐ cho trẻ trong trường MN”: Sơn sửa, làm bổ xung các đồ chơi của góc PTVĐ; tổ chức “Ngày hội thể thao, giao lưu các trò chơi vận động” tại trường.

- Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện Chương trình GDMN; chú trọng giáo dục phát triển hành vi, thói quen tốt cho trẻ. Lựa chọn tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, gắn với thực tế, giúp trẻ thực hành, trải nghiệm để hình thành những hành vi ứng xử đúng đối với môi trường, thói quen tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, thực hiện đúng các quy định an toàn giao thông. Tăng cường xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường chữ viết, tạo điều kiện để trẻ phát triển ngôn ngữ ở mọi nơi mọi lúc, phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, đặc biệt là khả năng tự tin, sử dụng ngôn ngữ mạch lạc, biểu cảm.

- Nhà trường tạo mọi điều kiện liên hệ và tư vấn cho những phụ huynh có nhu cầu cho con học thêm ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hoạt động làm quen với ngoại ngữ của trẻ.

- Tăng cường hỗ trợ cha mẹ trẻ về kiến thức, kỹ năng CSGD trẻ, triển khai, xây dựng mô hình phối hợp gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện đảm bảo Quyền trẻ em trong các nhóm trẻ, lớp MG. Thực hiện tốt các chính sách ưu tiên đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

### **2.3.3. Công tác phổ cập GDMN**

100% trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số được chuẩn bị tốt tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

Đầu tư bổ sung đầy đủ đồ dùng thiết bị và bố trí, sắp xếp đủ giáo viên cho các lớp 5 tuổi theo quy định.

Đảm bảo các phòng học kiên cố đặc biệt là 95% phòng học kiên cố cho trẻ 5-6 tuổi, số lượng trẻ bình quân/lớp (16,55 trẻ/lớp). Rà soát và có kế hoạch mua sắm, bổ sung và thay thế các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi đã hỏng cho 4 lớp ghép có học sinh 5 tuổi.

Chỉ đạo các lớp 5 tuổi đơn xây dựng kế hoạch mua thay thế những đồ dùng đã cũ, hỏng.

Huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

Tuyên truyền tới các ban ngành đoàn thể và toàn thể nhân dân về nội dung, mục tiêu của Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi và công tác PCGDMN.

Thực hiện nghiêm túc việc tự kiểm tra các tiêu chuẩn đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi đảm bảo trung thực, khách quan, chống bệnh thành tích trong kiểm tra, công nhận lại Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Tổ mẫu giáo 5 tuổi xây dựng mục tiêu giáo dục trẻ phù hợp theo từng chủ đề và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho trẻ theo quy định.

Triển khai cập nhật số liệu và thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non đầy đủ, chính xác, trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo phân cấp quản lý một cách hiệu quả.

Cùng với các cấp ủy Đảng - HĐND - UBND và toàn thể các ban ngành của xã làm tốt công tác duy trì sĩ số, huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi đến trường, không có học sinh bỏ học đặc biệt là trẻ 5 tuổi.

Duy trì và nâng cao hiệu quả các điều kiện và tiêu chuẩn đã đạt chuẩn phổ cập Giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi và tiếp tục được công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi năm 2023.

### **2.3.4. Tình hình thực hiện dạy và học tiếng Anh trong nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; giáo dục STEAM.**

- Năm học 2022-2023 nhà trường chưa thực hiện dạy và học tiếng Anh

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ; thực hiện quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; triển khai phần mềm Báo cáo giáo dục mầm non để tạo điều kiện cho các cấp quản lý giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở GDMN, tiết kiệm thời gian công sức cho việc thống kê, tổng hợp.

Đổi mới công tác quản lý hành chính, thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ.

Ban giám hiệu phân công một đồng chí phụ trách trang thông tin của nhà trường, BGH thường xuyên cập nhật công thông tin điện tử của UBND huyện và Phòng GD&ĐT để tiếp nhận và xử lý văn bản chỉ đạo. Tiếp tục tự bồi dưỡng để

nâng cao trình độ soạn thảo văn bản, sử dụng thành thạo phần mềm quản lý trường mầm non, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản theo quy định của Bộ tài chính, phần mềm báo cáo GDMN.

Chỉ đạo 100% giáo viên biết khai thác các thông tin trên mạng về CSGD trẻ, cách làm ĐDDC để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, biết soạn giáo án điện tử

- Giáo dục STEAM: Có 31/31 CBGV nhà trường tham gia chương trình tập huấn STEAM kết quả đạt từ loại khá trở lên. Nhà trường đã tiến hành triển khai chương trình đại trà trong toàn trường, bước đầu đã thu được các kết quả đáng khích lệ, giáo viên

Phương pháp dạy học STEAM theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”, phát huy tính tích cực của trẻ trong hoạt động. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động. Trẻ học theo hứng thú và sở thích của mình.

### **2.3.5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý**

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo về GD: Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập định biên số trẻ/ giáo viên thì nhà trường đủ giáo viên theo quy định thực hiện có hiệu quả; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 21/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Mai Sơn.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 32 người. Trong đó:

- Cán bộ quản lý 02 (trình độ trên chuẩn 02, trình độ đạt chuẩn 0).
- Giáo viên 28 (trình độ trên chuẩn 21/28 đạt 75%, đạt chuẩn 5/28 đạt 17,8%; chưa đạt chuẩn 2/28 đạt 7,14%).
- Số giáo viên có nhu cầu đi đào tạo để đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019: Có 02 giáo viên học ĐH năm thứ 3.

- Tỷ lệ giáo viên trên lớp 1,55/lớp (Giảm so với năm học 2021-2022)

Tổng số CB, GV, NV: 32 đ/c, nữ: 31 đ/c; DT: 12 đ/c; ĐV: 15 đ/c

BGH: 02 đ/c, GV 28 đ/c, NV 0 đ/c, LĐHĐ 68: 02 đ/c

Theo biên chế giao năm 2023 hiện tại nhà trường đang thiếu 03 đ/c GV.

CBQL nắm vững những nội dung, các hoạt động quản lý về chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất. Xây dựng được hệ thống văn bản chỉ đạo chuyên môn, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường có tính thuyết phục, khả thi.

Tổ trưởng chuyên môn tích cực chủ động trong hoạt động chỉ đạo công tác chuyên môn theo phân cấp được phân công ủy quyền.

Giáo viên chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, không cắt xén chương trình. Nhận thức về thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đội ngũ được nâng lên qua hoạt động chuyên môn theo tổ.



Kế hoạch kiểm tra chuyên môn, kiểm tra nội bộ được thực hiện thường xuyên, đúng kế hoạch, đạt kết quả cao. Cán bộ giáo viên có ý thức tự giác trách nhiệm chấp hành hoạt động kiểm tra; có ý thức tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động chuyên môn của mình và đặc biệt là giáo viên xác định được trách nhiệm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ là trách nhiệm chính của bản thân.

Chất lượng về năng lực chuyên môn của đội ngũ, cũng như chất lượng trên trẻ về chăm sóc giáo dục toàn trường trong năm học được nâng lên rõ rệt so với chất lượng khảo sát đầu năm.

100% giáo viên nắm được quan điểm mục tiêu đào tạo, nội dung, phương pháp giáo dục mầm non theo hướng đổi mới.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được nâng cao, có khả năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động của trẻ theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

Cán bộ giáo viên nhà trường có khả năng soạn giảng giáo án điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động đạt kết quả tốt.

- Chất lượng đội ngũ khá ổn định.

Biên chế 31 cán bộ giáo viên toàn trường trong đó: Ban giám hiệu nhà trường 03 người, nhóm trẻ 04 cô/2 nhóm. Mẫu giáo tổng 24cô/16 lớp, chất lượng giáo viên đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm.

+ Có 29/31 đ/c CBQL, GV học xong lớp Bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN hạng III và hạng II;

+ 31/31 đ/c học xong lớp bồi dưỡng tiếng Thái (Có 05 đ/c đang theo học bồi dưỡng tiếng dân tộc; 02 đ/c trong đó 01 bảo vệ; 01 phục vụ không tham gia bồi dưỡng tiếng dân tộc)

+ 31/31 đ/c đã được cấp chứng chỉ tin học cơ bản.

- Ban giám hiệu Phân công, phân nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định và phù hợp với năng lực, sở trường và điều kiện hoàn cảnh của giáo viên; thực hiện đúng, đủ, kịp thời mọi chế độ, chính sách đối với CBGVNV. Chính sách hỗ trợ giáo viên và học sinh theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ được chi trả thời đúng đối tượng.

Ngay từ đầu năm học nhà trường định hướng cho giáo viên xây dựng kế hoạch của cá nhân, căn cứ vào kế hoạch của cá nhân để nhà trường xây dựng kế hoạch của nhà trường. Tổ chức cho giáo viên học tập bồi dưỡng thường xuyên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/01/2019. Qua các nội dung các kiến thức tự học, tự bồi dưỡng từ đó cán bộ, giáo viên căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, trường, lớp để vận dụng vào công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

+ Thi đua khen thưởng

Trường: Đề nghị UBND huyện công nhận "*Tập thể lao động tiên tiến*".

Đề nghị công nhận 02 đồng chí đạt danh hiệu LĐTTXS.

Đề nghị công nhận 30 đồng chí đạt danh hiệu LĐTT.

### 2.3.6. Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất

Trong năm học 2022-2023 nhà trường có 8 điểm trường đã làm tốt công tác vận xã hội hóa các nguồn tài trợ của các tổ chức cá nhân ủng hộ 120 xe đất san mặt bằng, 01 doanh nghiệp tư nhân tại huyện Mai Sơn ủng hộ xây dựng vườn cổ tích, hộ cha mẹ học sinh vận động xây 170m tường rào phía trước khu trung tâm.

Các khu có nhiều góc cho trẻ tham gia hoạt động, có góc hoạt động trong lớp và góc hoạt động ngoài trời. Có đủ các góc cho trẻ chơi theo nhóm.

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương và Ban quản lý các bản tu sửa cơ sở vật chất lớp học ở một số điểm trường để có chỗ cho trẻ hoạt động vui chơi cụ thể:

### 2.3.7. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với trẻ

- Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập tháng 1-05/2022 số tiền: 21.750.000đ
- Tiền ăn trưa theo nghị định 105/2020/NĐ-CP từ tháng 1 -05/2022 số tiền: 30.400.000đ.
- Chế độ giáo viên theo nghị định 105/2020/NĐ-CP từ tháng 1- 05/2022 số tiền: 2.250.000đ.
- Nhà trường chi trả chi trả chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng qui định và kịp thời.
- Thực hiện công tác cải cách hành chính, thực hiện quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn trong các cơ sở GDMN; công tác ứng dụng CNTT trong quản lý và CS, GD trẻ; thực hiện các quy định về quản lý tài chính và quy chế dân chủ trong các cơ sở GDMN.
- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý tài chính rõ ràng minh bạch, việc thu chi các các loại quỹ do phụ huynh đóng góp theo hướng dẫn Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.
- Hoàn thiện hồ sơ chế độ cho giáo viên và học sinh từ T9/2022 đến T12/2022 nộp cấp trên đúng thời hạn

2.3.8. Công tác xã hội hóa giáo dục (*đánh giá thuận lợi, khó khăn và đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung chính sách hiện hành*).

#### \* Thuận lợi

Công tác GD-ĐT nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của PGDĐT huyện Mang Mai Sơn, HĐND-UBND xã Nà Bó và các tổ chức đoàn thể, các mạnh thường quân, ...

Nhận thức của nhân dân về giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác huy động, duy trì số lượng, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục học sinh.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường chủ động khắc phục khó khăn, đoàn kết hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; tích cực bồi dưỡng nâng cao năng lực

chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp với đối tượng học sinh. Nhiều cá nhân đã tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục, hỗ trợ nhà trường về vật chất và tinh thần, tạo môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

Qua các năm học, chất lượng dạy và học được cải thiện đáng kể, tỷ lệ bé ngoan xuất sắc tăng đáng kể.

Trường có tổng diện tích 7006,8m<sup>2</sup>. Đến nay, trường có 18 lớp bán trú với 453/453 trẻ (Trong đó: bán trú tập trung có 10/18 lớp; bán trú cha mẹ mang cơm 8/10 lớp)

#### **\* Khó khăn**

Xã Nà Bó có rất nhiều bản lẻ, 100% cha mẹ trẻ làm nông nghiệp, sản phẩm thu hoạch hàng năm không ổn định khó khăn trong việc đóng góp kinh phí cùng với ngành Giáo dục để đảm bảo các điều kiện cho việc dạy và học tại trường. Địa bàn xã rộng, nhiều điểm trường lẻ, giao thông không thuận lợi, đặc biệt trong mùa mưa lũ.

Về cơ sở vật chất, diện tích khuôn viên, đồ dùng thiết bị, phương tiện dạy học, sân chơi, sân chơi ở một số trường chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay.

Cơ sở vật chất, thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu để thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Trẻ ăn, học, sinh hoạt... vào 1 phòng.

### **3. Đánh giá chung**

#### **3.1. Những thành tựu, kết quả nổi bật**

Trong năm học vừa qua với sự chỉ đạo sát sao của ban giám hiệu nhà trường chất lượng giáo viên và học sinh được nâng lên một cách rõ rệt các hoạt động của nhà trường đi vào nề nếp, hoạt động phong trào sôi nổi có các tiết mục văn nghệ đặc sắc tham gia lễ hội của trường. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức:

Kiểm tra đột xuất, kiểm tra toàn diện học sinh.

Tham gia tập huấn STEAM kết quả 31/31 đồng chí xếp loại từ khá trở lên

Nhà trường nghiêm túc thực hiện các thông tin, báo cáo hai chiều và báo cáo kịp thời theo đúng qui định của các cấp đề ra.

Công tác tổ chức quản lý được kiện toàn, các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng Pháp luật của Nhà nước; Chỉ thị nhiệm vụ năm học được triển khai kịp thời. CBGV, NV hưởng ứng tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua.

CBGV nhà trường không ngừng tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nỗ lực học và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tích cực đổi mới quản lý, duy trì, nền nếp, xây dựng trường: Sáng-xanh-sạch-đẹp. Thực hiện tốt quy định, Điều lệ trong nhà trường.

Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục đẩy mạnh, huy động tối đa nguồn lực, vật lực, tài lực, cho giáo dục.

Thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra thường xuyên đúng nguyên tắc.

Tổ chức thành công các ngày lễ trong năm cho CBGV và học sinh. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đã thực sự nâng cao đời sống tinh thần cho CBGV-NV.

Chính sách phát triển giáo dục mầm non được quan tâm triển khai có hiệu quả, phí dành cho công tác cải tạo, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất được các bậc phụ huynh quan tâm ủng hộ.

Tổ chức hoạt động dạy học ổn định, có nề nếp, 100% các lớp tiến hành dạy học 2 buổi/ngày, đã tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi từ cơ sở.

Làm tốt công tác xã hội hóa, vận động quyên góp tài trợ trong đó đã quyên góp được rất nhiều quần áo, thảm, đồ dùng nhu yếu phẩm cho học sinh, phụ huynh toàn trường.

Tiếp nhận 120 xe đất san mặt bằng, 01 doanh nghiệp tư nhân tại huyện Mai Sơn ủng hộ xây dựng vườn cổ tích, hộ cha mẹ học sinh vận động xây 170m tường rào phía trước khu trung tâm. Tổng giá trị tài sản: **170.000.000đ** (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

## **2. Hạn chế, nguyên nhân**

### **\* Về khách quan**

Trường có nhiều lớp đi lại xa và rất khó khăn điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu, thiếu phòng học cũng ảnh hưởng đến công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin như máy tính còn thiếu, phần mềm Kismast, Nutrikid cho học sinh học chưa có, nếu có cũng chưa đủ điều kiện cơ sở vật chất để sử dụng. Đồ dùng, đồ chơi chưa thật sự phong phú về chủng loại, chưa có nhiều đồ chơi phát triển trí tuệ cho trẻ, đặc biệt là đồ dùng đồ chơi phục vụ cho chuyên đề còn hạn chế.

Số học sinh đông chưa có phòng ăn ngủ riêng do đó ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và việc thực hiện chuyên đề.

Còn 1 số ít phụ huynh chưa có điều kiện quan tâm đến con em mình, chưa tích cực phối hợp với giáo viên trong chăm sóc - giáo dục trẻ (Đặc biệt là một số phụ huynh dân mới tại điểm trung tâm, bản Kéo Bó).

### **\* Về chủ quan**

Một số giáo viên tuổi cao nắm bắt chương trình GDMN còn nhiều hạn chế và chưa hiểu sâu về việc thực hiện chuyên đề

Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy của một số giáo viên còn yếu, chưa biết khai thác, sử dụng Internet vào thiết kế bài giảng điện tử để dạy trẻ. Một số giáo viên chưa chủ động, linh hoạt trong việc nghiên cứu chương trình, chưa chịu khó sưu tầm, bổ sung các đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ giảng dạy.

## **II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2023-2024**

### **1. Nguyên tắc lập kế hoạch**

- Bám sát, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch xã Nà Bó.

- Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024 cần kế thừa và phát huy các thành quả đã đạt được đồng thời rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, yếu kém của những năm học trước. Kế hoạch phải bao quát, khả thi, gắn với nguồn lực để thực hiện.

- Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở thực tiễn của địa phương; nâng cao tính dự báo, những cơ hội, thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương/đơn vị. Bám sát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của của địa phương, của ngành năm học 2023-2024

## **2. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

Căn cứ thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều Lệ Trường mầm non;

Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung Ương Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, các Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết Số 29-NQ/TW của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Ủy Sơn La.

Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025.

Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.

Nghị quyết 15-NQ/ĐH ngày 24/09/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021– 2025.

Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 UBND tỉnh về phê duyệt về kế hoạch thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non tỉnh Sơn La giai đoạn 2018-2025.

Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 UBND tỉnh phê duyệt về kế hoạch thực hiện Đề án về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non tỉnh Sơn La giai đoạn 2018-2025

Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 02/03/2021 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Nghị quyết của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

Các Nghị quyết của cấp ủy, chính quyền xã Nà Bó.

Các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh liên quan đến việc xây dựng kế hoạch năm học 2023-2024;

Các văn bản và tài liệu khác liên quan đến việc xây dựng kế hoạch năm học 2023-2024.

### **3. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024**

#### **3.1. Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch**

##### **a) Mục tiêu**

Nêu các mục tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch theo thứ tự lựa chọn ưu tiên. Việc xây dựng mục tiêu phải căn cứ vào kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2018-2025

##### **b) Chỉ tiêu**

- Các chỉ tiêu kế hoạch phải được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, cụ thể, có thể đánh giá được, có khung thời gian thực hiện, bảo đảm tính khả thi. Các chỉ tiêu phải có mối liên hệ với mục tiêu, thực trạng, đặc biệt quan tâm giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong triển khai thực hiện kế hoạch năm học

- Định hướng các chỉ tiêu của kế hoạch gồm: Quy mô nhóm lớp, học sinh, tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi đến trường; chất lượng giáo dục; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; phổ cập giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; kiểm định CLGD.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

##### **a) Nhiệm vụ chung**

- Củng cố, phát triển mạng lưới trường lớp mầm non để tăng tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp (*đặc biệt là trẻ em nhà trẻ*); chú trọng công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, đảm bảo trẻ mầm non 5 tuổi có các kỹ năng ngồi, cầm bút, nhận biết 10 chữ số, 29 chữ cái trong bảng tiếng việt trước khi bước vào học tiểu học.

- Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường, có đủ nhà vệ sinh, nước sạch đạt tiêu chuẩn; các trường tổ chức nấu ăn có nhà bếp.

- Phát triển đội ngũ giáo viên, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện tốt kế hoạch của UBND huyện về đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên; có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, chăm lo đời sống cho cán bộ, viên chức ngày càng tốt hơn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học và quản lý giáo dục.

##### **b) Nhiệm vụ cụ thể**

- Kế hoạch năm học 2023-2024 xây dựng giải pháp cụ thể để từng bước đạt

mục tiêu kế hoạch, đến năm 2025 tỷ lệ huy động cháu nhà trẻ ra lớp đạt 50%; đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi huy động 100% trẻ đến trường.

- Duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, công tác phổ cập trẻ 5 tuổi, trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số được chuẩn bị tốt tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

- Thực hiện tốt chương trình tăng cường tiếng Việt, làm quen với tiếng Anh cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **4. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học**

Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ thực trạng quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đào tạo; kế hoạch phát triển số lượng học sinh, thực hiện rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới nhóm lớp học tại địa phương và định hướng mục tiêu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học trong năm học để tính toán, xác định các loại trang thiết bị cần mua sắm trong năm.

- Về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cần cụ thể hóa các nhiệm vụ, nội dung đầu tư cần thực hiện để hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu hoàn thiện trường đã đạt chuẩn nhưng còn nợ/giảm tiêu chí/trường xây dựng mới để đạt chuẩn.

#### **5. Dự toán thu - chi ngân sách**

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành, nhà trường tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

#### **6. Biện pháp, giải pháp thực hiện kế hoạch**

Để tổ chức thực hiện kế hoạch năm học 2023-2024 đạt kết quả, nhà trường cần tập trung xây dựng các nhóm biện pháp, giải pháp sau:

- Biện pháp, giải pháp đặc thù, phù hợp với thực tế của địa phương để bảo đảm chỉ tiêu về số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Bảo đảm bố trí, cân đối, huy động đủ, duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả các điều kiện để thực hiện kế hoạch (*đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các nguồn lực tài chính...*).

- Bảo đảm các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo của Nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo, học sinh.

- Biện pháp quản lý (*tổ chức, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện*) bảo đảm xã hội hoá trong phát triển giáo dục.

#### **7. Các biểu mẫu kèm theo kế hoạch**

##### **7.1. Qui mô nhóm, lớp, số trẻ**

<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Chỉ tiêu phần đầu</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Nhóm, lớp</b>	<b>18</b>	<b>18</b>
- Nhà trẻ	2	2
- Lớp MG	16	16
+ MG 3 tuổi	4	4
+ MG 4 tuổi	2	2
+ MG 5 tuổi	10	10
<b>2. Tổng số trẻ</b>	<b>445</b>	<b>445</b>
Trẻ nhà trẻ	55	55
Trẻ mẫu giáo	390	390
+ Trẻ 3 tuổi	93	93
+ Trẻ 4 tuổi	148	148
+ Trẻ 5 tuổi	149	149
<b>3. Trẻ dân tộc</b>	<b>380</b>	<b>380</b>
Trẻ nhà trẻ	38	38
Trẻ mẫu giáo	342	342
<b>4. PCGDMN</b>	<b>149</b>	<b>149</b>
Số trẻ 5 tuổi HTCTGDMN	149	149

## **2. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục**

<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Chỉ tiêu phần đầu</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. CS-ND</b>		
- Tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe	$445/445 = 100\%$	
- Tỷ lệ trẻ PTBT về cân nặng	$431/445 = 96,8\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$53/55 = 96,35\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$378/390 = 96,9\%$	
- Tỷ lệ trẻ PTBT về chiều cao	$436/445 = 97,9\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$53/55 = 96,3\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$383/390 = 98,2\%$	
- Tỷ lệ chuyên cần	$442/445 =$	



	99,3%	
+ Trẻ nhà trẻ	$52/55 = 94,5\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$384/390 = 98,4\%$	
- Tỷ lệ trẻ học 2B/ngày	$445/445 = 100\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$55/55 = 100\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$390/390 = 100\%$	
- Tỷ lệ trẻ được ăn bán trú	$445/445 = 100\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$55/55 = 100\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$390/390 = 100\%$	
<b>2. CLGD</b>		
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTC	$425/445 = 95,5\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$47/55 = 85,4\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$376/390 = 96,4\%$	
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTNN	$428/445 = 96,1\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$51/55 = 92,7\%$	
+ Trẻ mẫu giáo	$377/390 = 96,6\%$	
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTNT	$422/445 = 94,8\%$	
+ Trẻ nhà trẻ	$50/55 = 90,9\%$	

+ Trẻ mẫu giáo	372/390= 95,3%	
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTM	373/390= 95,6%	
+ Trẻ nhà trẻ		
+ Trẻ mẫu giáo	373/390= 95,6%	
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTCXH	435/445= 96,8%	
+ Trẻ nhà trẻ	49/55= 89%	
+ Trẻ mẫu giáo	376/390= 96,4%	
- Tỷ lệ trẻ 5T HTCTGDMN	149/149= 100%	

### 3. Đội ngũ

Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu phấn đấu	Ghi chú
1. Trình độ đào tạo (%)	40/42= 95,2%	
- Đạt chuẩn	6	
- Trên chuẩn	25	
Chưa đạt chuẩn	0	
- Trình độ LLCT	4	
- Trình độ tin học	41	
- Trình độ NN/tiếng DT	41	
2. Chuẩn nghề nghiệp (%)	38/40 = 95%	
+ Loại tốt	20	
+ Loại khá	18	
3. Kết quả xếp loại CCVC (%)	42/42	
+ HTXSNV	4	
+ HTTNV	38	
4. Đảng viên (%)	19/42= 45,2%	

5. Giáo viên giỏi các cấp (%)	$25/42=$ $59,5\%$	
- Cấp trường	22	
- Cấp huyện	3	
- Cấp tỉnh	0	
6. SKKN (%)	$4/42=9,5\%$	
- Cấp cơ sở	4	
- Cấp tỉnh	0	
7. Danh hiệu thi đua cá nhân (%)	$42/42=100\%$	
- LĐTT	$38/42= 90,4\%$	
- CSTĐ sơ sở	4	
- CSTĐ tỉnh	0	
8. Hình thức khen thưởng	6	
- Bằng khen TTCP		
- Bằng khen BGD		
- Bằng khen UBND		
- Giấy khen UBND	6	
- Giấy khen Giám đốc SGD	0	

#### 4. Nhà trường, các tổ chức đoàn thể

Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu phấn đấu	Ghi chú
1. Xếp loại mức độ HTNV hàng năm		
- Trường	HTXS NV	
- Chi bộ	HTXS NV	
- Công đoàn	Vững mạnh	
- Đoàn TN	Vững mạnh	
- Tổ chuyên môn	HTXS NV	
2. Danh hiệu thi đua tập thể		
- Trường	TTLĐXS	
- Tổ chuyên môn	TTLĐXS	

3. Hình thức khen thưởng		
- Trường	Giấy khen	
- Chi bộ	Giấy khen	
- Công đoàn	Giấy khen	
- Đoàn TN	Giấy khen	
- Tổ chuyên môn	Giấy khen	
4. KĐCL GD và đạt CQG		
Tự đánh giá KĐCLGD (Đạt mức)	Mức 2	
- CQG (Phần đầu đạt chuẩn năm nào ?)	2024	

### 5. Cơ sở vật chất và kinh phí thực hiện

Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu phần đầu	Ghi chú
Phòng học	18	
Phòng chức năng	1	
Góc địa phương	18	
Đồ chơi ngoài trời	06	
Thiết bị nhà bếp	Đủ	
Thiết bị dạy học	18 bộ	
Bàn ghế học sinh	365	
Kinh phí (nghìn đồng)	Nguồn ngân sách	

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2023-2024 cần:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục
- Quán triệt đến 100% CBGVNV trong và ngoài công lập thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, văn bản quản lý chỉ đạo của ngành, cập nhật các văn bản mới ban hành, lưu trữ đầy đủ, khoa học.
- Tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các hiện tượng vi phạm quy chế, quy định trong nhà trường.
- Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường CSVC cho các cơ sở GDMN
- Tăng cường CSVC cho các cơ sở GDMN
- củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em

- Nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ
- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ và của tỉnh về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình Sơn La, đài phát thanh của huyện Mai Sơn tăng cường đưa tin bài về các hoạt động của nhà trường.

## **2. Công đoàn**

Công đoàn nhà trường có vai trò quan trọng trong việc vận động cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành; là nơi chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Đoàn viên và người lao động.

Vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động nhân các dịp lễ lớn do ngành và Công đoàn cấp trên tổ chức. Các phong trào thi đua đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Tham gia bồi dưỡng giới thiệu cho Chi bộ những quần chúng ưu tú để xem xét và kết nạp cũng như luôn đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động Công đoàn. Không chỉ dừng lại ở việc quan tâm về vật chất, đồng viên thăm hỏi tinh thần; công đoàn nhà trường hàng năm tổ chức nhiều cuộc giao lưu giữa các đơn vị, tạo điều kiện cho đoàn viên công đoàn giao lưu học hỏi thông qua các hội thi, các buổi tọa đàm. Ngoài ra, còn tổ chức tham quan, dã ngoại nhân ngày lễ lớn của đất nước; khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân tiêu biểu.

## **3. Đoàn thanh niên**

Tổ chức Đoàn thanh niên là một trong những tổ chức chính trị có vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng, phát triển và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Tổ chức Đoàn thanh niên đóng vai trò hạt nhân chính trị, nòng cốt trong các hoạt động phong trào của trường, là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **4. Ban đại diện cha mẹ**

- Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường;
- Phối hợp với hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh;
- Phối hợp với hiệu trưởng tổ chức giáo dục học sinh hạnh kiểm yếu tiếp tục rèn luyện trong dịp nghỉ hè ở địa phương;

- Phối hợp với hiệu trưởng giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học;

- Hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

Tuyên truyền tới các phụ huynh trang website, qua các cuộc họp phụ huynh, qua các hội nghị...với các nội dung phong phú về công tác CSNDGD trẻ, công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn quốc gia....

## V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

### \*Với UBND Huyện Mai Sơn

Đầu tư kinh phí thêm kinh phí để xây dựng và sửa chữa thêm phòng học, phòng chức năng.

### \* Phòng GD - ĐT Mai Sơn

Quan tâm hỗ trợ thêm kinh phí nhà trường xây dựng, tu sửa các phòng học, phòng hiệu bộ, các công trình phụ trợ. Trang bị thêm các bộ đồ dùng tối thiểu cho nhà trường.

### \* UBND xã Nà Bó

Phối hợp chặt chẽ hơn nữa với nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa vận động phụ huynh tự nguyện làm một số công trình cho nhà trường.

Trên đây kế hoạch phát triển giáo dục của trường Mầm non Nà Bó năm học 2023-2024 của trường mầm non Nà Bó./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng, các Phó HT;
- Tổ Trường CM, Chủ Tịch Công đoàn;
- Lưu: VT, (1 bản).



**Triệu Thị Tú Anh**